

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN C R  
THÀNH PHỐ C T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNST

Ngày: 17/09/2024

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp  
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Bùi Thanh Trí*.

Ông *Nguyễn Văn Sang*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trương Hoàng Minh Phương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa: Ông *Lê Văn Quốc* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và 17/08/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST/HN ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2024/QĐST-HN ngày 30/08/2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Phan M T**, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 262B khu vực Thạnh Thắng, phường P T, quận C R, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: Số B3 Trần Văn Việt, khu dân cư Công an, phường H T, quận C R, thành phố C T.

Người đại diện ủy quyền về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông **Trần B Q**, sinh năm 1978. (Có mặt)

ĐKTT: Số 21A Lương Định Của, phường C K, quận N K, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: Số 01 khu vực Yên Hạ, phường L B, quận C R, thành phố C T.

\* Bị đơn: Bà **Lê T M T**, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 262B khu vực Thạnh Thắng, phường P T, quận C R, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: Số E3 – 76, đường số 5, khu dân cư 586, phường P T, quận C R, thành phố C T.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê T B L**. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 46 Mậu Thân, phường A H, quận N K, thành phố C T.

2. Bà **Nguyễn T H D**. (Có mặt)

Địa chỉ: Số E3 -76 đường số 5, khu dân cư 586, phường P T, quận C R , thành phố C T.

Chỗ ở hiện nay: Số 237B khu vực Thanh Thắng, phường P T, quận C R , thành phố C T.

3. **Ngân hàng A C N A H**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 47 Trần Việt Châu, phường A H, quận N K, thành phố C T.

4. **Ngân hàng CSXH Q C R**.

Người đại diện: Ông **Bùi Kiên Cường**.

Địa chỉ: Số 236E Trần Hưng Đạo, khu vực Yên Trung, phường L B, quận C R , thành phố C T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh V T**. (Theo giấy ủy quyền số 145/GUQ-NHCS ngày 13/09/2024) (Vắng mặt)

5. **Ngân hàng S CN C T – PGD NSH**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn T L**. Chức vụ: Trưởng PGD NSH.

Địa chỉ: K1-9, K1 – 10 Võ Nguyên Giáp, phường P T, quận C R , thành phố C T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê H N** và ông **Nguyễn N P**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: K1-9 và K1-10 Võ Nguyên Giáp, phường P T, quận C R , thành phố C T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – ông Phan M T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê T M T tự tìm hiểu một thời gian khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, quận C R , thành phố C T vào ngày 10/10/2005. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bà T thường xuyên nhấn tin trò chuyện qua lại với người nam khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và thời gian kéo dài. Đến tháng 11/2023 thì hai con phát hiện bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Nay mục đích hôn nhân không còn đạt được, tình cảm vợ chồng đã thật sự rạn nứt, không còn nên ông yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Phan N T A (Nữ), sinh ngày 02/01/2007 và Phan T K (Nam), sinh ngày 03/07/2011. Khi ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống có tài sản chung gồm: 01 căn nhà B3 đường Trần Văn Việt, phường H T, quận C R , thành phố C T thì ông và bà T cùng đứng tên, 01 chiếc xe Innova năm 2018 có biển số 65A – 156.57 do ông đứng tên và 01 Hoda City năm 2016 65A – 109.96 do bà T đứng tên. Đối với bản chính giấy tờ nhà đất thì ngân hàng đang giữ, còn giấy tờ xe thì ông đang giữ. Đối với các tài sản chung này thì tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay có nợ ngân hàng A – có trụ sở tại phường A H với số tiền 830.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi triệu đồng) và nợ người thân ở bên ngoài gồm bà Lê T B L 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và còn một số nợ khác khoảng 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) nhưng không có chứng từ.

*\* Phía bị đơn bà Lê T M T trình bày:*

Về hôn nhân: Thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân giống như lời trình bày của ông Phan M T. Thời gian mâu thuẫn là không đúng, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi bà phát hiện có trao đổi với ông T nhưng ông T có thừa nhận sau đó ông T thách thức bà. Việc phía ông T trình bày bà có quan hệ tình cảm với người khác vào năm 2018 thì là không có, chỉ phát sinh tình cảm từ năm 2023 thì phía ông T phát hiện. Cả hai đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con giống như ông T trình bày, hiện nay 02 con đang sống chung với ông T , khi ly hôn thì bà thống nhất giao hai con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống có tài sản chung gồm: 01 (Một) căn nhà B3 đường Trần Văn Việt, phường H T, quận C R , thành phố C T thì bà và ông T cùng đứng tên, 01 (Một) chiếc xe Innova năm 2018 có biển số 65A – 156.57 do ông T đứng tên và 01 (Một) xe Hoda City năm 2016 65A – 109.96 do bà T đứng tên. Nay phía ông T đồng ý thôi giá trị tài sản lại cho bà số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) thì bà đồng ý giao tài sản lại cho ông T và ông T có nghĩa vụ phải trả nợ.

- Về nợ chung: Hiện nay có nợ ngân hàng A – có trụ sở tại phường A H với số tiền 830.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi triệu đồng), nợ ngân hàng

CSXH Q C R số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), nợ ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH khoảng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ người thân ở bên ngoài gồm bà Lê T B L số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và nợ của mẹ ruột của bà - Nguyễn T H D số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), còn một số nợ khác khoảng 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) nhưng không có chứng từ thì bà không hề biết.

Nguồn gốc tài sản là do vợ chồng hình thành nên bà yêu cầu chia đôi tài sản chung và nợ chung.

*\* Phần trình bày của người có quyền lợi của nghĩa vụ liên quan:*

*Theo bà Lê T B L trình bày:*

Vào năm 2018, bà có cho ông Phan M T, bà Lê T M T mượn số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Ông T và bà T chỉ trả lãi khoảng 10 tháng thì không trả lãi như thỏa thuận. Sau đó, phía ông T có trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và còn nợ lại số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Nay đối với số tiền này thì bà không yêu cầu ông T và bà T phải trả vì hoàn cảnh đang khó khăn, nếu sau này có tranh chấp thì bà sẽ kiện thành vụ kiện khác.

*Theo đại diện của Ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH trình bày:*

Nguyên vào ngày 28/11/2022, bà Lê T M T có vay vốn tại Ngân hàng S CN – PGD NSH theo hình thức thẻ tín dụng tính đến hết ngày 22/07/2024, bà Lê T M T còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 49.954.551 đồng (Bốn mươi chín triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi một đồng). Đề nghị bà T hoàn tất nghĩa vụ thanh toán khoản vay qua thẻ tín dụng cho ngân hàng. Ông T và bà T thỏa thuận thanh toán nợ cho ngân hàng trước khi bản án ly hôn có hiệu lực.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

*Phần trình bày của nguyên đơn - ông Phan M T:*

Vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Về hôn nhân thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà Lê T M T vì hiện nay tình cảm, lòng tin đã không còn, cả hai đã ly thân một thời gian dài nên không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Về con chung thì khi ly hôn thì xin được tiếp tục nuôi hai con chung và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các con muốn sống chung với bà T thì ông cũng đồng ý cho các con về sinh sống với bà Trang. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem

xét, giải quyết. Về nợ chung thì hiện nay đã thực hiện việc trả nợ các khoản nợ ngân hàng, bà Lài đầy đủ nên các ngân hàng, bà Lài không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Riêng đối với khoản nợ của bà Dung và nợ Ngân hàng S CN – PGD NSH thì ông không biết, đây là nợ riêng của bà T nên bà T phải có nghĩa vụ trả nợ.

Phần trình bày của đại diện nguyên đơn về con chung và tài sản chung - ông Trần B Q:

Thống nhất với phần trình bày của ông T. Về con chung thì Tòa án đã triệu tập lấy khai, các con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông T và hiện nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung thì ông T không yêu cầu và bà T không đóng tiền tạm ứng án phí nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung thì các chủ nợ không yêu cầu nên đề nghị tách ra giải quyết thành vụ án khác.

*Phần trình bày của bà Lê T M T:*

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn theo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T . Vì bà và ông T đã thỏa thuận được việc ông T đưa cho bà số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thì toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bà sẽ giao cho ông T xác lập tài sản riêng và ông T phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản chung của vợ chồng.

- Về con chung: Thống nhất giao hai con tên Phan T K (Nam), sinh ngày 03/07/2011 và cháu Phan N T A (Nữ), sinh ngày 02/01/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào bà có điều kiện sẽ tự cho các con sau.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống có tài sản chung gồm: 01 (Một) căn nhà B3 đường Trần Văn Việt, phường H T, quận C R , thành phố C T; 01 (Một) chiếc xe Innova biển số 65A – 156.57 và 01 (Một) Hoda City biển số 65A – 109.96. Đối với các tài sản này thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Đối với khoản nợ chung thì thống nhất với các khoản nợ mà ông T thừa nhận. Ngoài ra, vợ chồng còn khoản nợ của bà Nguyễn T H D số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) và nợ thẻ của Ngân hàng S CN – PGD NSH, hai khoản nợ này thì ông T đều biết nên yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả các khoản này.

*Phần trình bày của bà Nguyễn T H D:*

Đối với số tiền mà cho ông T và bà T mượn lúc đầu là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng trong quá trình bà bị bệnh thì ông T trả lại còn lại số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Nay ông T nói

không biết số nợ này là không đúng. Ông T là nghề xe nếu dám thề nặng xác định không biết khoản nợ này thì bà cũng sẽ không yêu cầu trả.

*Phần phát biểu tranh luận của Phan M T:* Vẫn giữ nguyên nội dung trình bày. Về hôn nhân thì yêu cầu được ly hôn với bà Trang. Về con chung thì được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

*Phần phát biểu tranh luận của ông Trần B Q:* Giữ nguyên phần trình bày và không phát biểu gì thêm.

*Phần phát biểu tranh luận của Lê T M T:* Đối yêu cầu ly hôn của ông T thì bà đồng ý. Về con chung thì bà đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì phía ông T đã có thỏa thuận riêng với bà về việc ông T có nghĩa vụ giao cho bà số tiền tổng cộng 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) thì bà đồng ý giao cho ông T toàn bộ tài sản chung để ông T xác lập quyền sở hữu riêng còn đối với các khoản nợ của bà Lê T B L, ngân hàng A – chi nhánh A H, ngân hàng CSXH QC R , ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH thì ông T phải có nghĩa vụ trả nợ. Riêng đối với khoản nợ của bà Nguyễn T H D thì bà đồng ý tự trả cho bà Dung. Do đó về tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Phần tranh luận của bà Nguyễn T H D:*

Đối với khoản nợ 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) thì nay bà T đồng ý trả thì bà cũng đồng ý và bà cũng không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này tranh chấp thì bà yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

*Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án:*

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng thì Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định mâu thuẫn vợ chồng là có, hiện nay cả hai không có tiếng nói chung, không còn sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống và cả hai đã ly thân, phía bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan M T.

Về con chung: Giao cháu Phan T K (Nam), sinh ngày 03/07/2011 và cháu Phan N T A (Nữ), sinh ngày 02/01/2007 cho ông Phan M T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên tách ra giải quyết thành vụ án khác.

*(Có bài phát biểu kèm theo)*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Phan M T và bà Lê T M T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ông T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”. Mặt khác, bị đơn bà Lê T M T có địa chỉ đăng ký thường trú, tạm trú tại quận C R , thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục:*

Bà Lê T B L đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận xét xử vắng mặt bà Lài. Đối với ngân hàng A – chi nhánh A H, ngân hàng CSXH QC R , ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các ngân hàng đã nêu theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Phan M T và bà Lê T M T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005 chung sống hạnh phúc một thời gian về sau thì mâu thuẫn phát sinh. Theo ông T trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã trầm trọng từ năm 2018 và thời gian kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống giữa mẹ chồng với nàng dâu dẫn đến tình cảm vợ chồng lệch lạc và bà T có mối quan hệ tình cảm với người khác. Nay nhận thấy hôn nhân đã rạn nứt, không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Trang. Theo bà Trang, xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là có. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và cả hai đã ly thân từ tháng 08/2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên

ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Nhận thấy, việc tiến tới hôn nhân của cả hai là tự nguyện nên việc đoàn tụ cũng phải xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên. Hiện nay, cả hai cũng đã ly thân không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa, ông T cũng xác định tình cảm đối với bà T không còn và bà T cũng thống nhất ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông T và bà Trang.

[4] *Về con chung*: Các bên xác định trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Phan N T A (Nữ), sinh ngày 02/01/2007 và Phan T K (Nam), sinh ngày 03/07/2011. Đối với cháu Trâm Anh và cháu T K đã trên 07 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã hỏi nguyện vọng của các cháu thì cháu xác định được tiếp tục ở với ông T. Mặt khác, cháu Trâm Anh và cháu T K hiện tại đang sống chung với ông T nếu thay đổi hoàn cảnh sống sẽ ảnh hưởng đến môi trường sống, tâm sinh lý của cháu. Đồng thời, tại phiên tòa bà T đồng ý giao hai con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng. Phía ông T không yêu cầu và bà T không tự nguyện cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống các bên đương sự xác định có tài sản chung gồm: 01 (Một) căn nhà B3 đường Trần Văn Việt, phường H T, quận C R, thành phố C T; 01 (Một) chiếc xe ô tô hiệu Innova có biển số 65A – 156.57 và 01 (Một) xe mô tô hiệu Hoda City biển số 65A – 109.96. Phía nguyên đơn xác định tự thỏa thuận, bị đơn thì có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không thực hiện việc đóng tạm ứng án phí về việc chia tài sản mặc dù đã được tòa án cho thời gian nhưng vẫn không thực hiện, tại phiên tòa bị đơn thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có nợ ngân hàng A – chi nhánh A H, ngân hàng CSXH QC R, ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH và bà Lê T B L 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra, nguyên đơn xác định nợ bên ngoài số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) nhưng không có chứng từ và bị đơn xác định nợ của Nguyễn T H D số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Tòa án có triệu tập những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê T B L, bà Trần T H D, Ngân hàng A C N A H, Ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH, Ngân hàng CSXH QC R tham gia tố tụng để giải quyết phần nợ theo các bên đương sự trình bày. Tuy nhiên, Ngân hàng A C N A H, Ngân hàng

TMCP S CN C T – PGD NSH không tham gia hòa giải cũng như xét xử cũng như cung cấp văn bản xác định đối với các khoản nợ vay này. Ngân hàng TMCP S CN C T – PGD NSH, bà Dung và bà Lài xác nhận có nợ nhưng không có yêu cầu độc lập trong cùng vụ án này, nên Tòa án không thể buộc các đương sự thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho các chủ nợ trong cùng vụ án này được. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Đối với số tiền gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) mà các đương sự xác định nợ bên ngoài nhưng không cung cấp thông tin, địa chỉ cụ thể của các chủ nợ nên tòa án không thể triệu tập tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết khoản nợ này, sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn và bị đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên án:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan M T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan M T với bà Lê T M T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan N T A (Nữ), sinh ngày 02/01/2007 và Phan T K (Nam), sinh ngày 03/07/2011. Giao con chung cho ông Phan M T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Lê T M T không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Các bên đương sự xác định có nợ, nhưng các đương sự, chủ nợ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền 150.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 0003433 ngày 15/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thì nguyên đơn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng). Bị đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền 150.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- **Nơi nhận:**

- + VKSND quận C R ;
- + Chi Cục THADS quận C R ;
- + UBND phường P T,  
Q. C R , TP. C T;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

**TRẦN THỊ HỒNG GÁM**